

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **9481** /BTC-QLĐT

Hà Nội, ngày **06** tháng 7 năm 2026

V/v đề nghị thẩm định dự thảo hồ sơ
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-
CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp thi hành Luật Đấu
thầu về lựa chọn nhà thầu

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 187/2025/NĐ-CP), Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ, gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình;
- (2) Dự thảo Nghị định;
- (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan;
- (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;
- (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định;
- (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Bộ Tư pháp././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLĐT (NLMLinh - **03b**) *nc*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
(Bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

DỰ THẢO

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại công văn số 2366/VPCP-KTKH ngày 18/3/2026¹ và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại văn bản số 3046/VPCP-CN ngày 06/4/2026², Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

a) Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng giao Bộ Tài chính: “*Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh*”.

b) Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” giao Đảng ủy Bộ Tài chính: “*Thể*

¹ Bổ sung Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu vào Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thời hạn trình Chính phủ tháng 5/2026

² Đồng ý điều chỉnh lùi thời hạn trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đến tháng 7/2026

ché hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế”.

c) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định chủ trương: *“Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...”*; *“Tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.”*

d) Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, nhất là trong đầu tư, mua sắm, đấu thầu, triển khai các dự án năng lượng, nhất là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải.”*

đ) Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đặt ra nhiệm vụ: *“Đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu”*.

e) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định chủ trương: *“Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển”*.

1.2. Cơ sở pháp lý

a) Theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ ban hành nghị định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Tại công văn số 2366/VPCP-KTKH ngày 18/3/2026³ và tại văn bản số 3046/VPCP-CN ngày 06/4/2026⁴ của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025

³ Bổ sung Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu vào Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thời hạn trình Chính phủ tháng 5/2026

⁴ Đồng ý điều chỉnh lùi thời hạn trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đến tháng 7/2026

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

c) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, Quốc hội yêu cầu *“đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”*

d) Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp giao Bộ Tài chính *“rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung chính sách về thuế, phí, đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đảm bảo thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia ổn định, lâu dài vào hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trong trường hợp cần thiết.”*

đ) Tại văn bản số 785/VPCP-CN ngày 27/02/2026 (Tối mật) của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu một số đề xuất liên quan đến lĩnh vực đấu thầu để chủ động xử lý theo quy định như: tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước về đấu thầu, rà soát các trường hợp chỉ định thầu, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu; đơn giản hóa quy trình, thủ tục...

e) Tại Kết luận số 318/KL-TTCTP ngày 18/6/2026 về việc chấp hành chính sách pháp luật đối với Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1, Thanh tra Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền nghiên cứu, xem xét xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu quy định, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể hơn về “chi phí trong nước”, “chi phí ngoài nước” để xác định đồng tiền dự thầu; “phần công việc” thuộc gói thầu để xác định hành vi chuyển nhượng thầu.

2. Cơ sở thực tiễn

Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Để hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung tại Luật này, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số

214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Qua quá trình triển khai thực hiện và trên cơ sở kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính nhận thấy Nghị định số 214/2025/NĐ-CP cần tiếp tục được sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; cụ thể là:

2.1. Về chỉ định thầu, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

a) Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) đã mở rộng trường hợp chỉ định thầu, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện gói thầu, dự án, đồng thời trao quyền cho chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm áp dụng các hình thức này.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai phát sinh một số vướng mắc như:

- Các trường hợp chỉ định thầu hiện hành chưa bao quát đầy đủ các tình huống phát sinh như: các gói thầu cần thực hiện ngay theo chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền ở trung ương và địa phương; gói thầu thuộc dự án đầu tư công cần triển khai ngay để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án⁵; gói thầu thuê, mua sắm dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số...

- Hạn mức chỉ định thầu hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn, nhiều gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản nhưng vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình lựa chọn nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian tổ chức thực hiện; việc yêu cầu tỷ lệ tiết kiệm 5% đối với gói thầu chỉ định thầu cho nhà thầu xây lắp đã thực hiện trước đó và yêu cầu quy định tỷ lệ tiết kiệm trong hồ sơ yêu cầu chưa phù hợp với thực tiễn do mức tiết kiệm phụ thuộc vào quy mô, tính chất của gói thầu và điều kiện thị trường tại thời điểm lựa chọn nhà thầu.

- Luật Quy hoạch đã bãi bỏ quy định “quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành”, Luật Xây dựng sửa đổi khái niệm hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng xã hội, Luật Đầu tư công quy định chủ đầu tư dự án đầu tư công đặc biệt được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng. Tuy nhiên, các trường hợp, quy trình chỉ định thầu quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP chưa bảo đảm tính đồng bộ với các Luật này.

- Quy trình chỉ định thầu hiện nay chỉ thực hiện theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy, mức độ công khai, minh bạch còn hạn chế, chủ yếu dừng ở công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, chưa có cơ chế bắt buộc công khai đầy đủ hồ sơ, quá trình lựa chọn nhà thầu và chất lượng hàng hóa được đặt hàng, dẫn đến tiềm ẩn

⁵ Tại văn bản 213/TB-VPCP ngày 25/4/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị toàn quốc đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ tiếp tục rà soát các vướng mắc trong thể chế, cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư công, nhất là các quy định về đấu thầu, xây dựng... để tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền cho chủ trương thực hiện, trước mắt như cơ chế chỉ định thầu đối với gói thầu tư vấn, gói thầu xây lắp.

nguy cơ hợp thức hóa hồ sơ, làm giảm hiệu quả của hình thức chỉ định thầu và đặt hàng trong việc đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng của gói thầu.

- Rà soát, bổ sung các trường hợp đặt hàng để thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tại Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các trường hợp, quy trình áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội trong quá trình triển khai thực hiện và lấy ý kiến dự thảo Nghị định.

b) Các quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP cần được rà soát để kịp thời khắc phục khó khăn vướng mắc trong thực tiễn triển khai, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ **khác** được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này; cụ thể như sau:

- Quy trình thủ tục đặt hàng hiện nay còn phức tạp; việc ký kết hợp đồng phải căn cứ vào giá đặt hàng trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí được cấp có thẩm quyền ban hành. Tuy nhiên, việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với một số sản phẩm, dịch vụ công chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác xác định giá đặt hàng, không đủ cơ sở để ký kết hợp đồng, ảnh hưởng đến việc bảo đảm tiến độ, tính liên tục của việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công.

- Theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, việc đặt hàng phải căn cứ vào dự toán giao hàng năm, trong khi dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích có tính chất thường xuyên, cần bảo đảm duy trì liên tục (như chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, thoát nước đô thị, duy trì đèn tín hiệu giao thông...). Do đó, việc phải lập lại quy trình đặt hàng hằng năm đối với các dịch vụ mang tính chất thường xuyên, liên tục làm tăng thủ tục cho cơ quan đặt hàng, có nguy cơ gây gián đoạn dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích.

- Việc nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sau khi hoàn thành gặp khó khăn do một số lĩnh vực chưa có hướng dẫn cụ thể; chưa có cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp.

2.2 Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu

- Quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mặc dù đã được cải cách nhưng thời gian thực hiện vẫn còn kéo dài, phức tạp (như lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hình thức đặt hàng, danh mục sản phẩm đặt hàng vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành...). Do vậy, các quy định này cần tiếp tục xem xét sửa đổi để tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu.

- Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, đội ngũ cán bộ cấp xã phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn, trong khi năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn, dẫn đến lúng túng trong triển khai công tác lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần nghiên cứu điều chỉnh yêu cầu về năng lực của tổ chuyên gia, tổ thẩm định để đáp ứng với thực tiễn phát sinh, đặc biệt các gói thầu mua sắm thường xuyên, đơn giản nhằm rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP chưa có quy định về cách xác định chi phí trong nước, chi phí ngoài nước dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.3 Về quản lý nhà thầu phụ

Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng mắc như: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; một số quy định liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu.

2.4 Về giá gói thầu

- Thực tiễn triển khai cho thấy việc xác định giá gói thầu trên cơ sở lấy báo giá còn phát sinh một số vướng mắc. Một số trường hợp xuất hiện báo giá hoặc hạng mục trong báo giá có giá cao bất thường hoặc thấp bất thường làm ảnh hưởng đến tính khách quan trong việc xác định giá gói thầu. Bên cạnh đó, quy định hiện hành chưa yêu cầu việc lấy và gửi báo giá phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia do đó, chưa phát huy hiệu quả trong việc công khai, minh bạch, lưu trữ và phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Bên cạnh đó, hiện nay cơ sở dữ liệu về giá trong đấu thầu chưa đầy đủ, chưa bao quát và thiếu tính hệ thống, chủ yếu mới có dữ liệu về giá trúng thầu. Do đó, chủ đầu tư còn thiếu nguồn thông tin để tra cứu, tham khảo khi xác định giá gói thầu, ảnh hưởng đến việc lập và đánh giá tính hợp lý của giá gói thầu.

- Hiện nay, việc xác định giá gói thầu để làm cơ sở chỉ định thầu đối với hàng hóa chỉ có 01 nhà sản xuất, 01 đơn vị độc quyền phân phối hợp pháp tại Việt Nam hoặc hàng hóa không có đủ dữ liệu tham chiếu giá còn gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ sở dữ liệu và căn cứ xác định giá phù hợp.

2.5 Về giải quyết kiến nghị, giám sát hoạt động đấu thầu

a) Về giám sát hoạt động đấu thầu

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã quy định cơ chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập Nhóm 1, Nhóm 2 không sử dụng vốn

ngân sách nhà nước, nội dung giám sát bao gồm các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy công tác giám sát hoạt động đấu thầu tại một số nơi còn chưa kịp thời, chưa phát huy đầy đủ hiệu quả phòng ngừa, cảnh báo và chấn chỉnh vi phạm, đặc biệt đối với các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, đặt hàng và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; đồng thời chưa có công cụ tổng thể để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu theo thời gian thực trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

b) Về giải quyết kiến nghị

Hiện nay, bộ phận thường trực của Hội đồng giải quyết kiến nghị phải gửi kết quả giải quyết kiến nghị đến chủ đầu tư để chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia dẫn đến phát sinh thêm thủ tục trung gian, kéo dài thời gian công khai và chưa đáp ứng yêu cầu về tính kịp thời, minh bạch.

Đồng thời, chưa có quy định cho phép kéo dài thêm thời gian giải quyết kiến nghị đối với trường hợp phức tạp cần thêm thời gian để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về việc tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước...

2. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian, đẩy nhanh tiến độ thực hiện gói thầu, dự án; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu.

3. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch của công tác đấu thầu, bảo đảm đồng bộ của hệ thống pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

4. Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu; tổ chức thực hiện hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 03/6/2026, Bộ Tài chính có công văn số 7461/BTC-QLĐT gửi xin ý kiến Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội về dự thảo hồ sơ Nghị định.

2. Ngày 19/6/2026, Bộ Tài chính tổ chức cuộc họp với đại diện các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Hiệp hội để trao đổi về nội dung dự thảo Nghị định.

3. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Hiệp hội, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và có công văn số .../BTC-QLĐT ngày .../7/2026 gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ Nghị định. Ngày .../7/2026, Bộ Tư pháp tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự thảo Nghị định.

4. Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định tại cuộc họp ngày .../7/2026 và ý kiến của Bộ Tư pháp tại báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày .../7/2026, Bộ Tài chính đã tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Về bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định có 03 Điều, trong đó:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ).

Điều 3. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1 Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

a) Về chỉ định thầu, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

- Sửa đổi, bổ sung Điều 78 về các trường hợp chỉ định thầu theo hướng:

+ Bổ sung gói thầu áp dụng chỉ định thầu theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quân ủy trung ương, công an trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương.

+ Bổ sung gói thầu thuộc dự án đầu tư công cần áp dụng hình thức chỉ định

thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án; gói thầu mua sắm từ các hoạt động thanh lý không theo định kỳ, giải thể, phá sản hay tiếp quản tài sản trừ trường hợp mua sắm thường xuyên từ các nhà thầu quen thuộc, hàng hóa được mua trên sàn giao dịch hàng hóa.

+ Bổ sung gói thầu đã đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển nhưng không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời thầu; tất cả nhà thầu không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm; có sự thông đồng giữa các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu.

+ Sửa đổi gói thầu xây dựng, mở rộng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu để bao quát tất cả gói thầu thuê, mua sắm dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của lĩnh vực KHCN ĐMST CDS, Nghị quyết số 193/2025/QH15.

+ Sửa đổi gói thầu lĩnh vực quy hoạch, xây dựng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật lĩnh vực này.

+ Nâng hạn mức áp dụng chỉ định thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án từ 500 triệu đồng lên **01** tỷ đồng, dịch vụ tư vấn thuộc dự án từ 800 triệu đồng lên **03** tỷ đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp từ 02 tỷ đồng lên **05** tỷ đồng .

- Sửa đổi Điều 79, Điều 80 về quy trình chỉ định thầu theo hướng:

+ Quy định việc gửi hồ sơ yêu cầu, dự thảo hợp đồng, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nộp hồ sơ đề xuất, công khai hồ sơ yêu cầu trên Hệ thống.

+ Quy định gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt không phải phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; kế hoạch bố trí vốn để thực hiện gói thầu; dự toán gói thầu bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45a Luật Đầu tư công.

+ Quy định gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật về xây dựng để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công được áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn thay vì quy trình chỉ định thầu thông thường nhằm rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, giải ngân vốn đầu tư công.

+ Nâng hạn mức giá trị gói thầu, nội dung mua sắm được cơ quan, đơn vị tự quyết định việc mua sắm từ không quá 50 triệu đồng lên không quá 100 triệu đồng nhằm đơn giản hóa thủ tục đối với các nhu cầu mua sắm thường xuyên, giá trị nhỏ; giảm thời gian, chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu.

+ Lược bỏ yêu cầu gói thầu chỉ định thầu cho nhà thầu xây lắp đã thực hiện trước đó phải đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm tối thiểu 5%, lược bỏ yêu cầu tỷ lệ tiết kiệm

phải được quy định trong hồ sơ yêu cầu để phù hợp với thực tiễn triển khai, việc áp dụng tỷ lệ tiết kiệm trong chỉ định thầu do chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo trong quá trình hoàn thiện hợp đồng trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh tế của gói thầu.

+ Làm rõ gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn quy trình chỉ định thầu thông thường hoặc rút gọn.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 84 và Điều 85 về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp theo hướng:

+ Để đảm bảo quyền và lợi ích Việt Nam trong các vụ việc ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam tại nước ngoài, dự thảo Nghị định chỉnh lý gói thầu quy định tại điểm c khoản 4 Điều 84 như sau: lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, ***các biện pháp khác ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam tại nước ngoài***, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế.

+ Bổ sung trường hợp và quy trình áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc đối với gói thầu cung cấp dịch vụ bưu chính để tổng đạt giấy tờ của nước ngoài theo pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự.

+ Bổ sung quy trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm cơ sở dữ liệu pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo hướng cơ quan mua sắm được tự quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 106 để bổ sung các trường hợp đặt hàng nhằm thúc đẩy khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; hàng hóa, dịch vụ, công trình được đặt hàng để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 109 để quy định tổ chức đặt hàng phải công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, qua đó bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện, đồng thời hình thành cơ sở dữ liệu về chất lượng, hiệu quả sử dụng hàng hóa, làm căn cứ phục vụ việc đánh giá, hoàn thiện tiêu chí kỹ thuật và lựa chọn nhà cung cấp trong các lần đặt hàng tiếp theo. Ngoài ra, dự thảo Nghị định chỉnh lý kỹ thuật tại điểm a khoản 6 Điều 109 để phù hợp với nội dung được sửa đổi, bổ sung.

- Nhằm tạo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công trong nhiều năm, đơn

giản hóa thủ tục đặt hàng, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP theo hướng:

+ Bổ sung đối tượng áp dụng Nghị định số 32/2019/NĐ-CP đối với đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ, các đơn vị khác được giao dự toán chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tiễn.

+ Bổ sung các hình thức định giá khác theo quy định của pháp luật về giá là một trong các căn cứ để xác định đơn giá, giá đặt hàng mà không bắt buộc phải xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí.

+ Bổ sung quy định trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành đơn giá, giá đặt hàng đối với nhiệm vụ cấp bách cần triển khai, cơ quan, đơn vị được ký hợp đồng tối đa bằng 70% giá trị đặt hàng tính theo giá thực hiện năm gần nhất hoặc 70% dự toán được cấp có thẩm quyền giao; sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng thì cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, nộp ngân sách nhà nước phần chênh lệch lớn hơn (nếu có) giữa hợp đồng đã ký kết và hợp đồng điều chỉnh.

+ Quy định phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.

+ Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) đối với sản phẩm, dịch vụ công (bao gồm dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thay vì chỉ chỉ quy định đối với dịch vụ sự nghiệp công.

+ Bổ sung quy định thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu

- Sửa đổi khoản 2 và bổ sung khoản 2a Điều 21 đề:

+ Không bắt buộc thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định phải có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và 03 năm công tác thuộc lĩnh vực quản lý đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án.

+ Làm rõ quy định “trường hợp lấy ý kiến hoặc huy động chuyên gia chuyên ngành không thuộc nhân sự của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn đấu thầu thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu” được áp dụng đối với tất cả gói thầu mà không chỉ giới hạn gói thầu thuộc dự án KHCN ĐMST.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 98 đề quy định thời gian thẩm định kết quả sơ tuyển,

kết quả lựa chọn nhà thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu qua mạng, bảo đảm đồng bộ với các quy định hiện hành áp dụng đối với đấu thầu không qua mạng.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 117 để quy định cách thức xác định chi phí trong nước, chi phí ngoài nước để bảo đảm tính thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Về quản lý nhà thầu phụ

Nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng; hạn chế hành vi chuyển nhượng thầu trái quy định; bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, khoản 2 Điều 35 và Điều 141 được chỉnh lý theo hướng:

- Quy định trong quá trình quản lý hợp đồng, chủ đầu tư phải cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt.

- Quy định rõ chủ đầu tư không phải đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt), nhà thầu phải chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

- Bổ sung cách thức xác định tỷ lệ nhà thầu phụ đối với trường hợp nhà thầu liên danh để chủ đầu tư có cơ sở thực hiện trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu; cách xác định “phần công việc thuộc gói thầu” để làm cơ sở xác định hành vi chuyển nhượng thầu.

- Bổ sung quy định để làm rõ trường hợp nhà thầu ký hợp đồng để mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, máy móc, thiết bị, thuê thiết bị thi công, nhân sự từ các nhà cung cấp, cá nhân để thực hiện gói thầu thì các nhà cung cấp, cá nhân không phải là nhà thầu phụ, giá trị các công việc này không bị tính vào giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ.

d) Về giá gói thầu

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18 theo hướng cho phép chủ đầu tư được loại trừ các báo giá hoặc các hạng mục trong báo giá có giá cao bất thường hoặc thấp bất thường khi tính giá trung bình của các báo giá nhằm bảo đảm tính khách quan trong việc xác định giá gói thầu. Đồng thời, bắt buộc việc yêu cầu lấy báo giá và gửi báo giá phải được thực hiện trên Hệ thống mạng quốc gia nhằm tăng cường tính minh bạch, công khai trong quá trình lập giá gói thầu.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 79 và khoản 3 Điều 80 để quy định chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa và chỉ có 01 nhà sản xuất hoặc 01 đơn vị độc quyền phân phối hợp pháp tại Việt Nam hoặc hàng hóa

không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá áp dụng hình thức chỉ định thầu.

đ) Về giải quyết kiến nghị, giám sát hoạt động đấu thầu

- Để tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền, Điều 131 và 132 được chỉnh lý theo hướng:

+ Bổ sung quy định về giám sát riêng của người có thẩm quyền đối với gói thầu quan trọng, cấp bách, thực hiện nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng gồm các nội dung về: tình hình, tiến độ, kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện gói thầu của nhà thầu trúng thầu, bảo đảm tuân thủ theo hợp đồng ký kết, đồng thời công khai kết quả giám sát trên Hệ thống.

+ Làm rõ cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên là Sở Tài chính và đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương giao nhiệm vụ giám sát thường xuyên.

+ Yêu cầu cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp thông tin phục vụ công tác giám sát từ Hệ thống, đánh giá, xác định mức độ rủi ro để cảnh báo chủ đầu tư về các dấu hiệu có thể ảnh hưởng đến tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả, tiến độ thực hiện gói thầu.

+ Bổ sung quy định cơ quan giám sát thường xuyên thành lập đoàn giám sát hoặc đoàn kiểm tra đột xuất để giám sát, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; yêu cầu chủ đầu tư khắc phục, chấn chỉnh các tồn tại, sai sót được phát hiện, trường hợp xác định có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì cơ quan giám sát thường xuyên kiến nghị xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm.

+ Yêu cầu cơ quan giám sát thường xuyên đăng tải kết quả giám sát và kết quả thực hiện của chủ đầu tư lên Hệ thống, đồng thời Hệ thống tự động tổng hợp, thống kê và công khai việc chấp hành yêu cầu chấn chỉnh của chủ đầu tư.

+ Làm rõ nội dung giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập Nhóm 1, Nhóm 2 không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, quy định các đơn vị này phải cập nhật thông tin về đấu thầu trên Hệ thống.

- Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu, Điều 138 được chỉnh lý theo hướng:

+ Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư thì phải gửi trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc.

+ Bộ phận thường trực của Hội đồng giải quyết kiến nghị trực tiếp công khai văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trên Hệ thống thay vì gửi văn bản đến chủ đầu tư để đăng tải. Đồng thời, Hệ thống dự kiến xây dựng chức năng cho phép nhà thầu được gửi đơn kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu

đến bộ phận thường trực của Hội đồng giải quyết kiến nghị trên Hệ thống (hiện nay chỉ gửi trực tiếp bằng giấy).

+ Bổ sung quy định chủ đầu tư, người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thêm tối đa 10 ngày đối với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp nhằm bảo đảm có đủ thời gian xem xét, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu liên quan, qua đó nâng cao chất lượng, tính chính xác, khách quan quá trình giải quyết kiến nghị.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định chỉnh lý nội dung kỹ thuật khác tại khoản 1 Điều 80, khoản 6 Điều 138 để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với dự thảo Nghị định và pháp luật khác có liên quan.

2.2. Nội dung bổ sung

- Bổ sung các trường hợp phát sinh trong thực tiễn cần áp dụng quy trình xử lý tình huống tại Điều 140, cụ thể:

+ Gói thầu chỉ có 01 nhà thầu tham dự và hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu đối với hạng mục hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường chiếm tỷ trọng không quá 1% giá gói thầu.

+ Trường hợp quá trình đánh giá kéo dài dẫn đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu hết hiệu lực, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu tương ứng.

+ Chỉnh lý trường hợp không có nhà thầu tham dự thầu thì chủ đầu tư được gia hạn thời điểm đóng thầu gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ tối thiểu là 05 ngày làm việc thay vì 10 ngày; đồng thời, cho phép chủ đầu tư áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại Điều 78 của Nghị định này.

+ Quy định chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng với nhà thầu có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu trúng thầu thì chỉ áp dụng chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng mà nhà thầu có nhân sự đó đang thực hiện mà không áp dụng đối với tất cả các hợp đồng.

- Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 146 để quy định Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trong đấu thầu nhằm hỗ trợ cơ quan, đơn vị trong hoạt động đấu thầu tra cứu, tham khảo thông tin về giá, nâng cao hiệu quả công tác lập giá gói thầu.

2.3. Nội dung lược bỏ

- Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 84 và khoản 3 Điều 85 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP để lược bỏ gói thầu mua vắc xin sản xuất trong nước phục vụ Chương trình tiêm chủng mở rộng mà chỉ có 01 nhà sản xuất trong nước sản xuất thuộc trường hợp được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc

biệt, việc mua vắc xin thực hiện theo quy trình đặt hàng đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng nguồn chi thường xuyên tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Bãi bỏ cụm từ “, cơ quan thuộc Chính phủ” tại điểm k khoản 4 Điều 84; khoản 1 Điều 89; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 122; điểm b khoản 2 Điều 128, điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 139; khoản 4 Điều 146 để phù hợp với chủ trương chuyển Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam từ cơ quan thuộc Chính phủ thành đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp

Sửa đổi khoản 3 Điều 106 để quy định chủ đầu tư quyết định hàng hóa, dịch vụ đặt hàng thay vì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục; đồng thời bổ sung khoản 7 Điều 109 để quy định việc đặt hàng sản phẩm, hàng hóa khác ngoài sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, không đặt ra các yêu cầu về việc phải bố trí nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị định, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

Các nguồn kinh phí phát sinh để thi hành Nghị định sẽ được cân đối từ: nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Bộ Tài chính ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin,

tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định mới của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi tình hình thi hành Nghị định và các văn bản pháp quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định

(Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định;

(2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan;

(3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

(4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định;

(5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý;

(6) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục QLĐT (N.L.M.Linh).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày...tháng...năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18 như sau:

“d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đơn vị quan tâm phải gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá. Trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá; chủ đầu tư có quyền loại trừ các báo giá hoặc các hạng mục trong báo giá có giá cao bất thường hoặc thấp bất thường khi tính giá trung bình.

Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu

tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế; đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Đối với gói thầu thuộc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án, chủ đầu tư quyết định lựa chọn thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định bảo đảm có năng lực thực hiện công việc được giao mà không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định là tư vấn cá nhân hoặc cá nhân thuộc tổ chức tư vấn đấu thầu.

2a. Trường hợp cần lấy ý kiến hoặc huy động chuyên gia chuyên ngành không thuộc nhân sự của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn đấu thầu thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 78 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:

“a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, Nghị quyết của Quân uỷ trung ương, Đảng uỷ Công an trung ương, Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, Nghị quyết của Quân uỷ trung ương, Đảng uỷ Công an trung ương, Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;”;

b) Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e khoản 2 như sau:

“e1) Gói thầu đã đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển nhưng xảy ra một trong các trường hợp sau đây: không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời thầu; tất cả nhà thầu không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; có sự thông đồng giữa các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu.

Trong trường hợp này, chủ đầu tư được áp dụng chỉ định thầu nhưng phải đảm bảo hồ sơ yêu cầu không thay đổi về bản chất đối với những yêu cầu cơ bản đã nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển ban đầu.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:

“g) Các gói thầu khác thuộc dự toán mua sắm, dự án đầu tư công và dự án khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Gói thầu thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê, mua sắm dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai, xây dựng, mở rộng, nâng cấp: cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương; hệ thống quản lý văn bản, điều hành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ, tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; trung tâm giám sát, điều hành thông minh; hệ thống cung cấp

dịch vụ công trực tuyến của quốc gia, bộ, địa phương; các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật về xây dựng để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công;”;

g) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:

“e) Các gói thầu về quy hoạch, phục vụ hoạt động quy hoạch theo quy định của pháp luật;”;

h) Bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 5 như sau:

“i) Gói thầu mua sắm từ các hoạt động thanh lý không theo định kỳ, giải thể, phá sản hay tiếp quản tài sản nhưng không áp dụng cho việc mua sắm thường xuyên từ các nhà thầu quen thuộc;

k) Hàng hoá được mua trên sàn giao dịch hàng hóa.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 79 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Gói thầu thuộc các trường hợp quy định tại điểm e1 khoản 2, các điểm d, đ, e, g và h khoản 5 và khoản 6 Điều 78 của Nghị định này được áp dụng quy trình chỉ định thầu thông thường.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có). Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua

sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).

b) Phát hành, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này.

Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Hồ sơ yêu cầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu dự kiến chỉ định. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu, sửa đổi hồ sơ yêu cầu được thực hiện Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày có thời điểm đóng thầu.

c) Nộp hồ sơ đề xuất, đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo với nhà thầu:

Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Hồ sơ đề xuất được mở sau thời điểm đóng thầu.

Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng,

giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

Trường hợp gói thầu có hạng mục mua sắm hàng hóa và chỉ có 01 nhà sản xuất hoặc 01 đơn vị độc quyền phân phối hợp pháp tại Việt Nam hoặc hàng hóa không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều 18 của Nghị định này, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu;

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu trực tiếp thì trong bản thuyết minh cơ cấu giá phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến hoặc giá theo báo giá của nhà sản xuất; trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu trực tiếp thì phải cung cấp thông tin về giá mua hoặc giá dự kiến mua hàng hóa từ đơn vị cung cấp cho mình và các tài liệu liên quan làm căn cứ thương thảo về giá trúng thầu.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

d) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 của Nghị định này. Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. Hồ sơ yêu cầu được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.

đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này.

Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, các nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được thực hiện trực tiếp giữa chủ đầu tư và nhà thầu mà không phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 80 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có khả năng thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và các điểm a, b, c, i, k khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, trừ gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 của Nghị định này.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

“a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu:

Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trực tiếp đến nhà thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó;

b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

Trường hợp gói thầu có hạng mục mua sắm hàng hóa và chỉ có 01 nhà sản xuất hoặc 01 đơn vị độc quyền phân phối hợp pháp tại Việt Nam hoặc hàng hóa không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều 18 của Nghị định này, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu;

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu trực tiếp thì trong bản thuyết minh cơ cấu giá phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến hoặc giá theo báo giá của nhà sản xuất; trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu trực tiếp thì phải cung cấp thông tin về giá mua hoặc giá dự kiến mua hàng hóa từ đơn vị cung cấp cho mình và các tài liệu liên quan làm căn cứ thương thảo về giá trúng thầu.

Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 100 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.”;

e) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng quy trình quy định tại khoản 3 Điều 79 của Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này.”.

7. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 Điều 84 như sau:

a) Bãi bỏ điểm b;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các biện pháp khác ảnh

hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế;”.

c) Bổ sung các điểm t1, t2 vào sau điểm t và sửa đổi, bổ sung điểm u như sau:

“t1) Gói thầu cung cấp dịch vụ bưu chính để tổng đạt giấy tờ của nước ngoài theo pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự;

t2) Gói thầu cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ theo cơ chế Phiếu hỗ trợ (Voucher) hoặc công cụ hỗ trợ tương tự thuộc chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

u) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khác có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, t1 và t2 khoản này.”.

8. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 85 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

“1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t1 và u khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, chủ đầu tư thực hiện như sau:”;

b) Bãi bỏ khoản 3;

c) Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 như sau:

“8a. Đối với gói thầu mua sắm cơ sở dữ liệu pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế thuộc trường hợp quy định tại điểm m khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.”;

d) Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 như sau:

“10. Đối với trường hợp quy định tại điểm t2 khoản 4 Điều 84 của Nghị định này:

a) Cơ quan hỗ trợ xây dựng, công bố công khai tiêu chí đánh giá, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát chất lượng, quy trình tiếp nhận hồ sơ, đánh giá năng lực của bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ; xác định danh sách bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ theo cơ chế Phiếu hỗ trợ (Voucher); chỉ lựa chọn vào danh sách các bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ có năng lực, kinh nghiệm tốt.

b) Cơ quan hỗ trợ đàm phán hợp đồng nguyên tắc cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với các bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở các tiêu chí, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát chất lượng quy định tại điểm a khoản này.

c) Cơ quan hỗ trợ hoàn thiện, ký hợp đồng nguyên tắc với bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 98 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

“1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 26, 27, 33, 37, 38, 39, 46, 62, 63, 64, 72, 81 và 101 của Nghị định này.”;

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 26, 37, 38, 62 và 63 của Nghị định này. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 28, 37, 40, 62, 65, 81 và 101 của Nghị định này. Hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu được đánh giá hợp lệ khi nhà thầu không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống. Hồ sơ dự thầu hoặc bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi chủ đầu tư sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự thầu đã nộp đều không hợp lệ và không được xem xét, trừ tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 106 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc nhóm công nghệ chiến lược của các ngành, lĩnh vực; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm; các dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ;”;

b) Bổ sung điểm e vào sau điểm d khoản 2 như sau:

“e) Hàng hoá, dịch vụ, công trình được đặt hàng để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chủ đầu tư quyết định hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 109 như sau:

“6. Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng và thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước

a) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: tiến độ thực hiện; chất lượng hàng hóa, dịch vụ; vi phạm hợp đồng đặt hàng và lý do vi phạm; các thông tin khác (nếu cần thiết). Thời gian đăng tải có thể trong hoặc sau thời thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng đặt hàng;

b) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định này. Thời gian công khai là sau thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng đặt hàng.

7. Việc đặt hàng quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều 106 của Nghị định này không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.”.

12. Sửa đổi khoản 2 Điều 117 như sau:

“2. Chi phí trong nước là các chi phí để thực hiện gói thầu trong lãnh thổ Việt Nam và phải được thanh toán bằng đồng Việt Nam. Chi phí ở ngoài nước là các chi phí để thực hiện gói thầu bên ngoài lãnh thổ Việt Nam và được thanh toán bằng đồng tiền nước ngoài hoặc đồng Việt Nam theo quy định trong hợp đồng.”;

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 131 như sau:

a) Bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 2 như sau:

“k) Đối với gói thầu có tính chất quan trọng, trọng điểm thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và b1 khoản 3 Điều này, ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản này, nội dung giám sát gồm: tiến độ, kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng.”;

b) Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 3 như sau:

“b1) Hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án được áp dụng đặt hàng;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, b1, c và d khoản này nhưng người có thẩm quyền quyết định thực hiện giám sát (nếu cần

thiết).”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Báo cáo kết quả giám sát: cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát báo cáo người có thẩm quyền về kết quả giám sát và công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật có liên quan, cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát phải đề xuất người có thẩm quyền về biện pháp xử lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả của gói thầu.”.

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 132 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cơ quan giám sát thường xuyên của bộ, ngành, địa phương

Đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương giao thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về đấu thầu, Sở Tài chính (sau đây gọi là cơ quan giám sát thường xuyên) thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, địa phương;

b) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, địa phương.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 như sau:

“a) Cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp thông tin phục vụ công tác giám sát từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, báo cáo của chủ đầu tư, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân và các nguồn thông tin hợp pháp khác.

b) Trên cơ sở thông tin quy định tại điểm a khoản này, cơ quan giám sát thường xuyên phân tích, đánh giá, xác định mức độ rủi ro; cảnh báo chủ đầu tư về các dấu hiệu có thể ảnh hưởng đến tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả của hoạt động đấu thầu hoặc tiến độ thực hiện gói thầu, dự án; yêu cầu chủ đầu tư thực hiện các biện pháp khắc phục khi cần thiết.

c) Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về đấu thầu hoặc chủ đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu quy định tại điểm b khoản này, cơ quan giám sát thường xuyên yêu cầu chủ đầu tư rà soát, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo kết quả thực hiện trong thời hạn quy định;

trường hợp cần thiết thì thành lập Đoàn giám sát để thực hiện giám sát.

d) Trên cơ sở kết quả giám sát, cơ quan giám sát thường xuyên yêu cầu chủ đầu tư khắc phục, chấn chỉnh các tồn tại, sai sót được phát hiện; trường hợp cần thiết, yêu cầu chủ đầu tư báo cáo kết quả thực hiện trong thời hạn quy định. Trường hợp chủ đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu chấn chỉnh thì cơ quan giám sát thường xuyên kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm của chủ đầu tư.

đ) Trường hợp qua giám sát xác định có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì cơ quan giám sát thường xuyên kiến nghị hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Cơ quan giám sát thường xuyên đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia yêu cầu chấn chỉnh quy định tại điểm d khoản này và kết quả thực hiện của chủ đầu tư. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động tổng hợp, thống kê và công khai thông tin về việc chấp hành yêu cầu chấn chỉnh của các chủ đầu tư.”.

5. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này

a) Định kỳ hằng quý, các đơn vị cập nhật thông tin về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu theo mẫu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho cơ quan giám sát thường xuyên;

b) Cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận các thông tin quy định tại điểm a khoản này hoặc các thông tin kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân được gửi đến (nếu có) để tổng hợp, theo dõi và đưa ra khuyến nghị các biện pháp cần thiết để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu;

c) Cơ quan giám sát thường xuyên tổ chức Đoàn giám sát để thực hiện giám sát đối với các hoạt động lựa chọn nhà thầu khi có dấu hiệu không đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 138 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức,

chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây:

a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập. Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.

b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập. Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị

trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.

Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền.”;

d) Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 như sau:

“8. Đối với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp, chủ đầu tư, người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thời gian giải quyết kiến nghị tối đa 10 ngày. ”.

15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 140 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu không có nhà thầu tham dự thầu thì chủ đầu tư được áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại điểm e1 khoản 2 Điều 78 của Nghị định này hoặc quyết định xử lý theo một trong các cách sau đây.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Gia hạn thời điểm đóng thầu tối thiểu là 05 ngày làm việc đối với gói thầu đang thực hiện mời quan tâm, mời sơ tuyển, gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ được tổ chức đấu thầu trong nước; gia hạn thời điểm đóng thầu tối thiểu là 10 ngày đối với gói thầu khác.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 25 như sau:

“25. Trong quá trình nhà thầu thực hiện hợp đồng tại các gói thầu mà nhân sự của nhà thầu (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu đó trúng thầu thì chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng. Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và bị đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trong thông báo phải nêu rõ lý do vi phạm dẫn tới phải chấm

dứt hợp đồng; đối với phần công việc chưa thực hiện, chủ đầu tư tiến hành chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều này hoặc tách thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.”;

d) Bổ sung khoản 33a và 33b vào sau khoản 33 như sau:

“33a. Trường hợp gói thầu chỉ có một nhà thầu tham dự thầu và có hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu đối với hạng mục hàng hóa là vật tư, thiết bị thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường với tổng giá trị các hạng mục hàng hóa này trong giá gói thầu chiếm tỷ trọng không quá 1% giá gói thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế các hàng hóa đó. Việc bổ sung, thay thế không được cao hơn đơn giá của hàng hóa đã chào.

33b. Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, trường hợp thời gian đánh giá bị kéo dài dẫn đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu hết hiệu lực, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu tương ứng. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận hoặc từ chối việc khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu thì hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu không được tiếp tục xem xét, đánh giá và không bị xử lý theo các quy định của pháp luật về đấu thầu.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 34 như sau:

“34. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 33b Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 141 như sau:

“2. Quản lý nhà thầu phụ:

a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quy định tỷ lệ phần trăm về giá trị tối đa sử dụng nhà thầu phụ trên giá dự thầu, giá hợp đồng trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Nhà thầu được đề xuất các phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ, tên nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, việc đề xuất phải bảo đảm không vượt giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu chưa xác định được tên nhà thầu phụ dự kiến thực hiện thì nhà thầu có thể không nêu tên nhà thầu phụ nhưng phải nêu rõ phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Phần công việc có thể là một hoặc nhiều hạng mục công việc hoặc một phần khối lượng trong hạng mục công việc của gói thầu;

b) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện công việc quan trọng của gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt được thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt;

c) Trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu phải thống nhất mức tỷ lệ phần trăm sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu được đề xuất thay đổi tên nhà thầu phụ, tăng hoặc giảm phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng bảo đảm không vượt tỷ lệ phần trăm về giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu để làm cơ sở ký kết hợp đồng;

d) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ thuộc danh sách các nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hợp đồng hoặc các nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để thực hiện các công việc dự kiến sử dụng nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hợp đồng. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện;

đ) Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) hoặc thay đổi phần công việc, giá trị phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và phải bảo đảm không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; chủ đầu tư không đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt), nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Đối với nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm dành cho nhà thầu phụ được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh, hợp đồng đã ký kết;

e) Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu với nhà thầu phụ;

g) Nhà thầu không được sử dụng hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của mình sau khi đã trừ đi giá trị phần công việc tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

h) Nhà thầu được ký hợp đồng để mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, máy móc, thiết bị, thuê thiết bị thi công, nhân sự từ các nhà cung cấp, cá nhân để thực hiện gói thầu. Trong trường hợp này, các nhà cung cấp, cá nhân không phải là nhà thầu phụ, phần công việc và giá trị phần công việc này không bị tính vào giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ và không bị coi là vi phạm quy định tại điểm g khoản này.”.

17. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 Điều 146 như sau:

“đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trong đấu thầu.”.

18. Bãi bỏ cụm từ “, cơ quan thuộc Chính phủ” tại điểm k khoản 4 Điều 84; khoản 1 Điều 89; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 122; điểm a khoản 2 Điều 128, điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 139; khoản 4 Điều 146.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

1. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 2 như sau:

“1a. Đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ, các đơn vị khác được giao dự toán chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao. Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13a như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Xác định đơn giá, giá đặt hàng;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Xác định đơn giá, giá đặt hàng;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 14 như sau:

“d) Đơn giá, giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền ban hành trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc các hình thức định giá khác theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ đặt hàng cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị được ký hợp đồng tối đa bằng 70% giá trị đặt hàng tính theo giá thực hiện năm gần nhất hoặc 70% dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, nộp ngân sách nhà nước phần chênh lệch lớn hơn (nếu có) giữa hợp đồng đã ký kết và hợp đồng điều chỉnh.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Dự toán được cấp có thẩm quyền giao đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đơn giá, giá đặt hàng; mức trợ giá. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích có thu phí thì theo mức thu phí do Nhà nước quy định.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18a như sau:

“3. Xác định đơn giá, giá đặt hàng.”.

7. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 19 như sau:

“c) Giá, đơn giá, mức trợ giá. Trong đó: giá, đơn giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền ban hành trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc các hình thức định giá khác theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ đặt hàng cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị được ký hợp đồng tối đa bằng 70% giá trị đặt hàng tính theo giá thực hiện năm gần nhất hoặc 70% dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, xác định mức trợ giá theo quy định, nộp ngân sách nhà nước phần chênh lệch lớn hơn (nếu có) giữa hợp đồng đã ký kết và hợp đồng điều chỉnh.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26 như sau:

“b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng tại địa phương. Trường hợp đối với những danh mục sản phẩm, dịch vụ công các bộ, cơ quan trung ương chưa ban hành hoặc không ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc ban hành không phù hợp với thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đối với sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý để thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP

- Đối với sản phẩm, dịch vụ công đã có quyết định đặt hàng, ký hợp đồng đặt hàng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP cho đến khi hoàn thành thanh toán, quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

- Việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên đã được giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (bao gồm dự toán năm trước được chuyển nguồn sang năm 2026, dự toán được bổ sung năm 2026) nhưng chưa có quyết định đặt hàng, chưa ký hợp đồng đặt hàng thì cơ quan đặt hàng được quyết định việc tiếp tục áp dụng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc quy định tại Nghị định này.

- Đối với định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ

chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành.

b) Đối với Nghị định số 214/2025/NĐ-CP

- Gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, gửi dự thảo hợp đồng đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng và giải quyết kiến nghị theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và được áp dụng quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định này;

Riêng đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trường hợp chủ đầu tư đã gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư được áp dụng quy định tại Nghị định này.

- Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, dự thảo hợp đồng đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn và có nội dung không phù hợp với quy định của Nghị định này thì chủ đầu tư được điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt để thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ

